

PHÂN TÍCH VĨ MÔ BÀI TOÁN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA HÀN QUỐC TRONG GIAI ĐOẠN 2011-2020

PHẠM QUÝ LONG*

Có thể nói, vào thời điểm hiện nay, khi kinh tế toàn cầu đang chứng tỏ khả năng hồi phục sau đợt suy thoái trầm trọng (2007-2009) thì cũng xuất hiện nhiều ý kiến đánh giá khác nhau về tương lai khuynh hướng tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc. Nhìn chung, những đánh giá này được phân theo hai cấp độ. Một mặt, quan điểm ngắn hạn và dài hạn về tăng trưởng của Hàn Quốc trong tương quan so sánh với 2 nền kinh tế lớn ở khu vực Đông Bắc Á, một bên là tốc độ tăng trưởng cao ở Trung Quốc và bên kia là tăng trưởng thấp của kinh tế Nhật Bản. Trong khi đó, kinh tế Hàn Quốc có thể sẽ duy trì được mức tăng trưởng trung bình 4,5%-5,5% trong thời gian 2 đến 3 năm tới, nếu không có các đột biến lớn xảy ra. Mặt khác, nếu đánh giá theo quan điểm thận trọng và dài hạn thì cũng xuất hiện một số ý kiến cho rằng, do thực tế môi trường kinh tế - chính trị khu vực và toàn cầu dường như đang bộc lộ thêm một số yếu tố rất đặc biệt, nó vừa có thể tạo thành nguyên nhân kìm hãm lại vừa có thể tạo thành nguyên nhân khai thông động lực tăng trưởng mới cho Hàn Quốc. Tuy nhiên, việc chỉ ra đâu là nguyên nhân khơi thông, đâu là nguyên nhân kìm hãm sự tăng trưởng là một điều rất khó

phân biệt rạch ròi vì chúng bao hàm nhiều yếu tố. Biết rằng, giải quyết bài toán tăng trưởng sẽ là một câu chuyện phức tạp, cần có sự phân tích kết hợp tổng hòa của các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội.. bên trong và các điều kiện bên ngoài của một nền kinh tế. Chính vì vậy, bàn luận về câu chuyện tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc trong thập kỷ tới có rất nhiều điều khác nhau cần đề cập, và sẽ tùy thuộc theo từng góc độ tiếp cận và mục tiêu đặt ra. Trong phạm vi bài viết này, tác giả sẽ giới hạn ở góc độ phân tích vĩ mô từ lý thuyết đến khảo sát thực tiễn qua đó muốn làm rõ hơn câu hỏi đặt ra là: Trong thập kỷ tới, làm thế nào Hàn Quốc có thể khơi thông được động lực tăng trưởng cho nền kinh tế của mình? Và động lực này sẽ là cái gì? Để trả lời câu hỏi này, bài viết sẽ lần lượt trình bày các nội dung sau đây.

1. Tăng trưởng kinh tế và nhân tố ảnh hưởng

Nói một cách rút gọn và giản đơn nhất về mặt lý luận kinh tế học thì đại lượng tăng trưởng (G) liên quan chặt chẽ với quyết định của đại lượng đầu tư (I). Nó cũng có mối liên hệ với biểu thức $I(\text{đầu tư}) = S(\text{tiết kiệm})$ với tư cách là một tiền đề kinh tế cho I. Vì thế I sẽ là một điều kiện để tạo ra cú hích tăng trưởng của một nền kinh tế nếu I phù hợp với nhu cầu (D). Tăng trưởng có thể đạt dấu (+) hay (-), hoặc mức độ tăng cao

* Tiến sĩ, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

hay thấp, phụ thuộc vào hàng loạt các yếu tố khác nhau, có thể là yếu tố mang tính chủ quan, khách quan, dự đoán được và không thể dự đoán được... Tuy nhiên, mối tương quan giữa $I \sim G$ không phải hoàn toàn lúc nào cũng thuận chiều như mệnh đề $I = S$. Có lúc tăng trưởng (G) đạt được mức tăng rất khả quan khi nền kinh tế có được các động lực đầu tư mới bao gồm nguồn lực đầu tư và nhu cầu đầu tư mới (gọi là I kích cầu). Song, có trường hợp đầu tư kém hiệu quả, thì mức tăng trưởng có thể sẽ là chiều ngược lại, trong đó I có thể tăng tới mức giới hạn nhưng G tăng không đáng kể. Thậm chí động lực đầu tư có thể bị triệt tiêu ($I = 0$) khi nền kinh tế bị khủng hoảng và có thể dẫn tới $G < 0$ (tăng trưởng âm). Do đó, quan điểm của kinh tế học phát triển nhấn mạnh rằng giải quyết bài toán tăng trưởng cần phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới I và D (cầu của nền kinh tế), trong đó có quan hệ tới các yếu tố như lạm phát, giảm phát, thất nghiệp, tỷ giá, nợ, lãi suất, cán cân ngoại thương, chi tiêu công, tiêu dùng cá nhân, thâm hụt ngân sách ...

Xuất phát từ cách tiếp cận này, hiện tại vẫn còn không ít các nhà nghiên cứu kinh tế, các tổ chức kinh tế theo quan điểm thận trọng đang cảnh báo về sự hồi phục chưa chắc chắn của nền kinh tế thế giới, hay họ nói nhiều hơn về nguy cơ khủng hoảng toàn cầu có thể bùng phát lần 2 do e ngại về các gói kích cầu (I) khổng lồ lần lượt bị rút bỏ sớm cũng như hậu quả từ cuộc khủng hoảng về nợ công ở khu vực Châu Âu; Nếu xảy ra, một lần nữa nó có thể sẽ làm thay đổi mạnh nhu cầu (D) và cơ cấu thị trường cho xuất

khẩu hàng hoá và dịch vụ; sự khủng hoảng niềm tin trong hệ thống tài chính toàn cầu. Hoặc họ cho rằng nếu tiếp tục giữ đà tăng trưởng quá nóng và kéo dài ở Trung Quốc cũng có thể làm gia tăng nguy cơ bong bóng kinh tế; hay tăng trưởng nóng và thiếu bền vững dẫn tới hậu quả trong tương lai không xa sẽ làm cạn kiệt nguồn tài nguyên và các nguồn năng lượng cơ bản cho đầu vào không chỉ riêng của nền kinh tế Trung Quốc mà còn ảnh hưởng tới toàn bộ cấu trúc mạng sản xuất khu vực; hoặc hàng loạt các vấn đề được cho là bất ổn khác có liên quan đến thị trường tài chính ở Hoa Kỳ, nợ công ở khu vực đồng euro, giảm phát và thất nghiệp ở Nhật Bản, v.v.. Những tác nhân này nếu không được phát hiện và kiểm soát kịp thời cũng tạo ra các bất ổn kinh tế vĩ mô và sẽ lây lan nhanh chóng trên toàn cầu. Từ đó chúng có thể gián tiếp làm cản trở động lực tăng trưởng ở Đông Bắc Á nói chung và Hàn Quốc nói riêng. Hơn thế nữa, nếu kết hợp với quan điểm chiến lược và chính sách phát triển Xanh của Hàn Quốc hiện nay, nhiều người cho rằng Hàn Quốc hoàn toàn tự tin và có thể thực hiện thành công việc điều chỉnh chiến lược phát triển của mình nhằm đạt tới các mục tiêu đề ra đến năm 2020 hoặc 2025. Nếu điều này trở thành hiện thực, nó không chỉ giúp cho nền kinh tế Hàn Quốc phát triển nhanh chóng mà còn mang lại cho cả khu vực Đông Á một sinh khí mới trong phát triển ở tương lai.

Bên cạnh việc liệt kê các tác nhân thuộc *môi trường kinh tế* nêu trên (trong mối quan hệ với sự tăng trưởng), nếu phân tích theo quan điểm thận trọng người ta cũng khuyến

cáo rằng, giải quyết vấn đề tăng trưởng sẽ không chỉ phụ thuộc thuần túy vào các yếu tố kinh tế trực tiếp của môi trường kinh tế mà sẽ còn phụ thuộc không nhỏ vào khả năng người ta đánh giá những ảnh hưởng gián tiếp từ sự thay đổi (nếu có) của các biến số thuộc *môi trường xã hội, môi trường chính trị-an ninh* của cả bên trong Hàn Quốc, của khu vực và trên bình diện quốc tế. Ví dụ, tình hình chính trị căng thẳng trên Bán đảo Triều Tiên hay vấn đề Eo biển Đài Loan liệu có khả năng dẫn tới nguy cơ bùng nổ xung đột vũ trang hay không? Hơn thế nữa, các nhân tố tự nhiên không thể kiểm soát được như các thảm họa thiên nhiên hay sự bùng phát dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên quy mô rộng lớn có thể vượt ra tầm kiểm soát của cộng đồng (như dịch SARS, cúm gà..) cũng được khuyến cáo là những nhân tố đột biến có thể gây tác động không nhỏ tới bài toán tăng trưởng kinh tế nói chung. Tuy nhiên, sự ảnh hưởng tới tăng trưởng do các sự cố (lớn) của tự nhiên (nếu có) là một điều rất rõ ràng nhưng con người khó dự đoán trước hậu quả tác động của nó và hầu như không thể kiểm soát được (ví dụ thiên tai động đất, núi lửa, hạn hán...). Do đó cần phải đặt các yếu tố tự nhiên này ra ngoài giới hạn khả năng biện luận. Chính vì vậy, sự hoài nghi cần đặt ra cho tất cả những nhân tố còn lại ấy rằng liệu khi nào chúng sẽ kết hợp để trở thành các tác nhân *tiêu cực* hay trong một chừng mực nào đó có thể chuyển hoá thành các nhân tố *tích cực* làm ảnh hưởng tới quá trình phát triển kinh tế của Hàn Quốc hay không? Điều này thì chưa

ai biết. Tuy nhiên, những biến số cơ bản này có thể được định dạng và cần được phân tích và đánh giá một cách đầy đủ.

2. Khảo sát và phân tích một số biến số vĩ mô cơ bản

Như đã đề cập ở trên, các tác nhân ảnh hưởng tới bài toán tăng trưởng, nói một cách tổng quát nhất, sẽ bao gồm một số biến số cơ bản. Đó là các nhân tố thuộc môi trường kinh tế, môi trường an ninh, chính trị và xã hội. Tuy nhiên, không phải tất cả các nhân tố này đều có thể gây ảnh hưởng đồng thời và liên tục tới kết quả của bài toán tăng trưởng. Vì vậy, thời điểm và mức độ tạo ra ảnh hưởng của các nhân tố này chỉ có thể được xem xét một cách khái quát và theo cách tính định tính trung bình cộng mà thôi. Với cách tiếp cận như vậy, chúng tôi sẽ lần lượt khảo sát chi tiết hai nhóm nhân tố vĩ mô cơ bản dưới đây:

2.1. Đánh giá triển vọng môi trường kinh tế toàn cầu

Đã có nhiều ý kiến trái ngược, thiếu thống nhất giữa các nhà nghiên cứu ở trong và ngoài nước, giữa các tổ chức nghiên cứu quốc tế, các quốc gia về nhận định đánh giá triển vọng kinh tế toàn cầu. Sự khác biệt này tồn tại là điều dễ hiểu vì các đánh giá đó dựa vào các nguồn cơ sở dữ liệu khác nhau và các kết luận đưa ra cũng vào các thời điểm khác nhau. Ví dụ, vào cuối năm 2009, người ta thường đề cập tới các e ngại về suy thoái kép, hay khủng hoảng từ đổ vỡ bong bóng kinh tế ở Trung Quốc, hay sự gia tăng các xung đột thương mại, làm cho bối cảnh kinh tế toàn cầu xấu đi. Tuy nhiên, hiện thời cách

đánh giá được thế giới chấp nhận tập trung vào một luận điểm ngắn gọn là: *bối cảnh kinh tế toàn cầu đang hồi phục tốt lên trong ngắn và trung hạn nhưng sẽ vẫn còn thiếu cơ sở thật bền vững trong dài hạn do áp lực từ các quan ngại nêu trên vẫn còn*. Theo chúng tôi, khi phân tích mối quan hệ tương tác giữa bối cảnh kinh tế toàn cầu và sự phát triển kinh tế Hàn Quốc ở Đông Bắc Á nói riêng, ít nhất trong vòng 1 thập kỷ tới, có thể nhận định môi trường kinh tế toàn cầu không chi phối có tính quyết định mà ngược lại nó cần sự cộng hưởng và chịu sự dẫn dắt bởi chính sự hồi sinh từ nội tại các nền kinh tế ở Châu Á, trong đó có khu vực Đông Bắc Á. Châu Á được coi là lực kéo cho sự hồi phục và đi lên của nền kinh tế thế giới.

Thật vậy, cho tới nay, đa phần các kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng khuynh hướng kinh tế thế giới trong một vài năm tới nhìn chung đã thực sự thoát khỏi khủng hoảng và đang theo chiều hướng tích cực đi lên. Ông Olivier Blanchard, Giám đốc bộ phận nghiên cứu của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) với cách nhìn lạc quan nhất cho rằng, việc thế giới “suy thoái kép” hoặc trở lại tình trạng suy thoái như một số nghiên cứu khác cảnh báo là chuyện rất khó xảy ra. Kết quả nghiên cứu của IMF cũng trùng hợp với kết quả của Ngân hàng Thế giới (WB) và một số tổ chức nghiên cứu kinh tế khác công bố gần đây.⁽¹⁾ Tựu chung các nghiên cứu đều cho thấy sự liên hệ tương tác của viễn cảnh kinh tế toàn cầu với kết quả tích cực từ nội tại các nền

kinh tế Châu Á. Khu vực Châu Á đã hồi phục mạnh trong năm 2009 và 2010 nhờ vào hoạt động xuất khẩu tăng trưởng và nhu cầu tiêu thụ hàng hóa nội địa ở mức tốt hơn. Châu Á cũng được coi là đầu tàu, động lực kéo nền kinh tế thế giới hồi phục. Cách đánh giá này cũng được nhiều nhà kinh tế Việt Nam cho là phù hợp với xu hướng thực tế đang diễn ra. Cụ thể hơn, gần đây, vào ngày 8/7/2010, IMF đã nâng mức dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2010 lên 4,6%, từ mức 4,1% đưa ra hồi tháng 4 năm 2010. Đồng thời, cơ quan này cũng tăng dự báo tăng trưởng của hai nền kinh tế Mỹ và Trung Quốc. Theo đó, tăng trưởng kinh tế Mỹ năm 2010 sẽ ở mức 3,3%, thay vì 2,7% như lần dự báo trước. Kinh tế Trung Quốc sẽ tăng trưởng 10,5%, cao hơn mức 10% đưa ra trước đây. IMF dự báo, nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, Nhật Bản sẽ đạt mức tăng trưởng 2,4% trong năm 2010 (mức trước là 1,9%), Hàn Quốc từ 4,6% lên 5,2%; Ấn Độ từ 8,8% lên 9,4%. Triển vọng của Đức và các nước Châu Âu khác sử dụng đồng euro, không đổi, ở mức 1%⁽²⁾. Đánh giá tổng quát tăng trưởng kinh tế trong vòng 5 năm (nếu được diễn đạt theo dạng đồ thị) cũng cho thấy những tín hiệu tích cực. Xu hướng này là kết quả dự báo được IMF công bố trong báo cáo tháng 4/2010 về triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu đến năm 2015.

⁽¹⁾ OECD outlook, No 87, May 2010

⁽²⁾ Theo thời Báo kinh tế Việt Nam số ngày 8/7/2010



Nguồn : IMF World Economic Outlook, April 2010

Mặc dù hiện tại được cho là lạc quan, song triển vọng tăng trưởng kinh tế của Đức và các nước Châu Âu khác sử dụng đồng euro, do không đổi, ở mức 1% nên IMF và WB cũng lưu ý rằng, sự yếu kém ở Châu Âu có thể “sẽ tác động tới Châu Á thông qua cả hai kênh thương mại và tài chính”. Chính vì bóng mây của khu vực EU vẫn còn nên IMF đánh giá về năm 2011 với quan điểm thận trọng hơn. IMF cho rằng, tuy chiều hướng tăng trưởng kinh tế thế giới trong năm tới sẽ không đổi, song tăng trưởng sẽ dừng lại ở mức 4,3%, thấp hơn dự báo cả năm 2010 là 4,6%. IMF đã hạ mức dự báo tăng trưởng năm 2011 của Trung Quốc từ 9,9% xuống 9,6%, Nhật Bản từ 2% xuống 1,8% và Anh từ 2,5% xuống 2,1%. Điều này được xem là một động thái cản trở khi đánh giá dự báo về triển vọng môi trường kinh tế toàn cầu. Song, nước dự báo tăng trưởng đối với Hàn Quốc là không đổi trên 5%.

Tuy nhiên, khi đánh giá tác động của môi trường kinh tế toàn cầu, chúng ta cần nhìn nhận thêm từ 2 khía cạnh cảnh báo về khả năng đổ vỡ tài chính lan truyền và sự biến động cầu (D) của thị trường thế giới trong thương mại quốc tế. Cả hai thành tố này ít ra

trong 5 năm tới đều cho thấy các dấu hiệu tích cực. Các nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ, Brazil, Ấn Độ, Nga, cũng như các nền kinh tế mới nổi khác, hoặc khu vực ASEAN,... đang chứng tỏ khả năng tạo ra sự hồi phục và tăng trưởng với các bằng chứng ngày càng tốt hơn từ các chỉ số kinh tế vĩ mô của mình. Có thể tham khảo theo các chỉ số chứng khoán, lạm phát, thất nghiệp, cân bằng thanh toán ngoại thương, thâm hụt ngân sách, tiêu dùng, đầu tư... (IMF Database, 2010). Những chỉ số này đang thể hiện một khuynh hướng tích cực và cải thiện rõ nét theo từng năm. Điều đó có nghĩa D của thị trường thế giới đang được mở rộng. Bên cạnh đó, từ cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ 2007-2009 vừa qua, thế giới cũng đã rút ra được nhiều bài học đắt giá về việc cần thiết phải có cơ chế cảnh báo sớm trong hệ thống tài chính và ngân hàng trên toàn cầu. Điều lo ngại này cũng phần nào được lắng dịu với một bằng chứng rõ nét nhất là ngày 23/7/2010, Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama đã ký sắc lệnh ban hành Đạo luật Phố Wall nhằm củng cố hệ thống tài chính toàn cầu và đảm bảo rằng nó sẽ được vận hành một cách lành mạnh hơn trong tương lai. Thêm một bằng chứng cụ thể nữa là

ngay cả khu vực EU, hiện tại cũng đang tiến hành một cuộc thanh lọc gắt gao hệ thống tài chính, ngân hàng ở đây nhằm vực dậy niềm tin của thị trường. Rõ ràng, với những chỉ số dự báo như vậy, ít ra trong thập kỷ tới, Hàn Quốc không quá bi quan với khả năng sẽ có sự ảnh hưởng ở “cấp độ nguy hiểm” từ những dao động của nền kinh tế thế giới tới việc giải quyết bài toán tăng trưởng của mình.

2.2. Đánh giá triển vọng môi trường an ninh-chính trị

a) Triển vọng tình hình khu vực Đông Bắc Á và toàn cầu.

Mặc dù yếu tố này chỉ có tác động gián tiếp tới khả năng phân tích bài toán tăng trưởng ở Hàn Quốc, nhưng trong một chừng mực nào đó nó sẽ có liên quan mật thiết tới việc tạo ra môi trường kinh tế và thương mại quốc tế cho Hàn Quốc trong tương lai. Do đó yếu tố này cần phải được xem xét.

Rõ ràng, nếu nhìn lại đôi chút về về tình hình an ninh-chính trị ở Đông Bắc Á trong phần lớn thời gian của thập kỷ qua, thấy rằng tranh chấp lãnh thổ cùng với việc tồn tại những ký ức trong lịch sử vẫn thường gây căng thẳng ngoại giao giữa Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc. Chúng luôn được coi là nguồn gốc hình thành nên những điểm nóng phát sinh từ thời Chiến tranh Lạnh. Tình hình trên Bán đảo Triều Tiên rất giống với chia rẽ Đông - Tây trên lục địa Châu Âu trước đây, trong đó có sự hiện diện của khoảng 1 triệu quân quanh vĩ tuyến 38. Bối cảnh không có hiệp ước hòa bình đã buộc người Triều Tiên lẫn Mỹ và Trung Quốc phải sẵn sàng cho khả năng xảy ra 1 cuộc xung đột quân sự. Tương tự như vậy, cả Mỹ và Trung Quốc cùng phải sẵn sàng cho nguy cơ xảy ra xung đột trên Eo biển Đài Loan. Vì thế, trọng tâm quan hệ giữa Mỹ với các đồng minh trong khu vực gần suốt thập kỷ trước đây là sẵn sàng đối phó với nguy cơ

xảy ra xung đột ở những điểm nóng này. Song, bằng các nỗ lực hợp tác chính trị và ngoại giao đa phương vì các ưu tiên lợi ích chiến lược của các nước trong vùng cũng như các nước lớn bên ngoài (Mỹ và Nga), xung đột quân sự đã không có cơ hội xảy ra. Một đặc điểm khác cho thấy là, kể từ tháng 9/2001, cuộc chiến chống khủng bố đã làm thay đổi trọng tâm hợp tác an ninh của Mỹ với các đồng minh. Hàn Quốc và Nhật Bản cho rằng Mỹ đã sao nhãng những thách thức sống còn của khu vực vì an ninh Đông Bắc Á vẫn là mối quan tâm chính của 2 nước này. Sức mạnh quân sự tăng lên của Trung Quốc, đặc biệt những hành vi của Trung Quốc trên biển đã làm hầu hết các nước, thậm chí cả Ấn Độ, phải quan ngại, cho rằng Trung Quốc đang muốn thay đổi cán cân sức mạnh không chỉ ở vùng biển gần Trung Quốc, mà cả những tuyến giao thông đường biển mà Trung Quốc đang thường xuyên sử dụng. Bất đồng giữa Trung Quốc và Nhật Bản đôi khi đã làm phức tạp nghị trình an ninh Đông Bắc Á. Mối bất hòa đã sâu sắc tới mức có một vài năm, lãnh đạo của hai nước này đã từ chối gặp nhau ở các diễn đàn khu vực. Sự trỗi dậy của Trung Quốc luôn đặt ra hai câu hỏi cho các nước Đông Bắc Á nói riêng và Châu Á nói chung. Thứ nhất, họ cần phải hiểu bản chất tham vọng của Trung Quốc trong khu vực và xa hơn nữa là gì? Thứ hai, sự cạnh tranh địa vị giữa Trung Quốc và Nhật Bản trong khu vực sẽ đi đến đâu? Cạnh tranh ấy đã cản trở quan hệ giữa Trung Quốc và Nhật Bản, đồng thời tạo ra sự cạnh tranh giữa một vài tổ chức khu vực. Chính vì cách tiếp cận như vậy nên theo nhận định của một số chuyên gia phân tích chính trị, nguồn gốc gây căng thẳng ở Đông Bắc Á đã và vẫn luôn còn tồn tại ngay trong các mối quan hệ chông chéo đó.

Mặc dù quá khứ là như vậy, song gần đây dư luận của Nhật Bản và Hàn Quốc bắt đầu

đặt lại câu hỏi về ưu tiên trong chính sách đối ngoại của mình. Họ cần đa dạng hóa quan hệ ngoại giao nhưng vẫn lựa chọn các hiệp ước an ninh với Mỹ làm nền tảng. Càng ngày càng có nhiều ý kiến cho rằng chính sách khu vực hóa vừa là cơ sở để ngăn ngừa Trung Quốc, vừa tạo ra cách tiếp cận mới đối với các vấn đề khu vực. Liên minh với Mỹ vẫn có giá trị sống còn đối với an ninh của Nhật Bản và Hàn Quốc. Nhưng bên cạnh đó các nhà lãnh đạo của hai nước này cũng ngày càng nhận ra giá trị của sự hợp tác khu vực trong hàng loạt vấn đề. Dư luận ở hai nước đòi hỏi phải cân bằng giữa quan hệ với Mỹ và quan hệ với các nước láng giềng. Khung cảnh đó giúp các nước Đông Bắc Á tìm thấy phương cách hợp tác dễ dàng hơn. Hiện tại và sau này, việc tìm ra cách tiếp cận chung đối với vấn đề Bắc Triều Tiên sẽ thúc đẩy nỗ lực này ngày càng ổn định hơn. Cơ chế đối thoại ASEAN+3 cũng đang tạo điều kiện cho các cuộc tiếp xúc hàng năm giữa lãnh đạo 3 nước Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản. Nói một cách khác, hợp tác khu vực Đông Bắc Á được bắt nguồn và thúc đẩy từ hai động lực khác hẳn nhau nhưng có sức mạnh ngang bằng nhau. Thứ nhất là để tạo cơ chế xây dựng niềm tin vào thời điểm có sự chuyển dịch đáng kể của cán cân sức mạnh, do sự trỗi dậy cả về kinh tế và quân sự của Trung Quốc tạo ra. Thứ hai là để tạo cơ chế phối hợp chính sách giữa các quốc gia nhằm hợp tác tốt hơn trong giải quyết khủng hoảng ở tương lai.

Điểm cần lưu ý là cơ sở kiến tạo sự ổn định của khu vực và trên toàn cầu trong hiện tại và tương lai rõ ràng bắt nguồn từ hệ quả của tiến trình gia tăng tính phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế và chính trị giữa các quốc gia trong vùng và trên thế giới, đặc biệt trong bối cảnh chính trị và xu thế quốc tế mới hiện thời. Điều này cũng khá trùng lặp với kết quả phân tích mới đây của Hội đồng

quan hệ đối ngoại Hoa Kỳ (2009) khi đánh giá thực tế diễn biến của khuynh hướng toàn cầu hóa và ảnh hưởng của nó đối với các quyết định chính trị ở Đông Bắc Á trong tương lai. Nghiên cứu này chỉ ra rằng các nhà lãnh đạo của các nước lớn ở Đông Bắc Á đang ngày càng ủng hộ ý tưởng đối thoại khu vực về các vấn đề chính trị- an ninh hơn là đẩy các nguy cơ đó vào ngõ cụt. Các phân tích cho thấy các nhà lãnh đạo chính trị ở đây đã thường xuyên tổ chức các cuộc thảo luận như vậy bên lề các cuộc gặp gỡ do ASEAN khởi xướng (ARF) để làm giảm thiểu hay có hành động ngăn chặn mang tính tập thể các nguy cơ tiềm ẩn có thể gây căng thẳng leo thang ở Đông Bắc Á. Bằng chứng rõ nhất gần đây tại Hội nghị thượng đỉnh 3 nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản), tổ chức tại đảo Cheju Hàn quốc cuối tháng 5/2010 vừa qua, các nhà lãnh đạo của 3 nước đã cố gắng hết sức bằng các nỗ lực hợp tác chính trị nhằm tháo gỡ nguy cơ một nguy cơ quân sự có thể bùng phát trên Bán đảo Triều Tiên sau sự cố vụ chìm tàu Cheonan của Hàn Quốc.

Chính vì vậy, đánh giá về triển vọng tình hình an ninh-chính trị khu vực và toàn cầu trong tương lai 5 đến 10 năm tới, nhìn chung các phân tích chính trị đều chia sẻ quan điểm cho rằng tuy hiện tại đang có những diễn biến chính trị phức tạp khó lường, nhưng về cơ bản nó sẽ không bị kích động và phát triển tới mức có thể tạo ra các xung đột vũ trang lớn. Điều này cũng hàm chứa ý nghĩa kinh tế rằng những thay đổi của môi trường an ninh chính trị khu vực và quốc tế ít có khả năng chuyển hóa thành nhân tố tiêu cực gây ảnh hưởng lớn tới cục diện tương lai bức tranh kinh tế ở khu vực Đông Bắc Á, trong đó có Hàn Quốc.

b) Triển vọng tình hình chính trị-xã hội bên trong Hàn Quốc

Mặc dù không ai phủ nhận rằng nền chính trị và xã hội Hàn Quốc kể từ 1948 đến nay đã có không ít biến đổi thăng trầm, đặc biệt thường là các biến cố xảy ra trong quá trình chuyển giao quyền lãnh đạo đất nước theo từng thời điểm lịch sử cụ thể (ví dụ như thời kỳ chuyển giao quyền lực của chính quyền cựu Tổng thống Park Chung Hee, với đặc trưng là nền chính trị và xã hội quân sự độc tài). Song, nền tảng chính trị-xã hội căn bản của Hàn Quốc vẫn ít có sự thay đổi lớn theo các chiều hướng hoán nghịch nhau. Về bản chất, nền chính trị Hàn Quốc vẫn dựa vào 3 đặc tính cơ bản, đó là liên minh với Mỹ, chủ nghĩa dân tộc và mối quan hệ chính trị đặc thù giữa giới chức chính trị và giới doanh nghiệp chớp bu (Chaebol). Chính vì thế, nó luôn tìm thấy sự cố kết và tạo ra một sự ổn định tương đối trong cả hiện tại và tương lai không xa. Hiện nay, đảng cầm quyền của Tổng thống Lee Myung Bak cũng đang nhận được sự hậu thuẫn như vậy. Tuy nhiên, trong bối cảnh chính trị khu vực và quốc tế hiện thời thì tương lai môi trường chính trị trong nước ở Hàn Quốc sẽ còn phụ thuộc nhiều hơn vào những thay đổi của yếu tố “xung đột hay hợp tác” trong xử lý mối quan hệ liên Triều của chính quyền Hàn Quốc. Chính vì vậy, đánh giá về triển vọng môi trường chính trị-xã hội trong nước ở Hàn Quốc 10 năm tới cũng sẽ bị chi phối theo khuynh hướng triển vọng duy trì khả năng hòa bình và thống nhất trên Bán đảo Triều Tiên. Tuy nhiên, như đã được phân tích đầy đủ ở phần trên, khả năng bùng phát xung đột quân sự 2 miền trên quy mô lớn là điều khó xảy ra trong tương lai. Do đó, hiện trạng nền chính trị Hàn Quốc cũng sẽ được duy trì ổn định và phát triển theo khuynh hướng hiện tại. Có thể nói nền chính trị Hàn Quốc vẫn là môi trường thích hợp cho chiến lược “phát triển xanh” đang được triển khai trong hiện tại và sau này.

3. Nhận biết động lực mới thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của nền kinh tế Hàn Quốc trong 10 năm tới (2011-2020)

Trước hết, theo đánh giá chung của nhiều nhà kinh tế hiện nay, triển vọng kinh tế Hàn Quốc trong ngắn hạn là khá tốt. Đặc trưng bức tranh kinh tế vĩ mô Hàn Quốc thể hiện quá trình hồi phục nhanh chóng từ sau sự suy thoái do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính toàn cầu 2007-2009 gây ra.

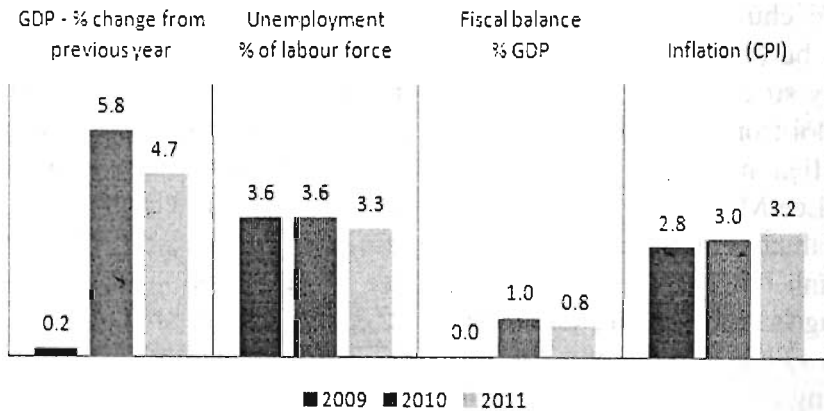
Thật vậy, khi sự suy giảm mức tăng trưởng GDP đã xuống đáy là 0,2% vào năm 2009, đánh giá dự báo tăng trưởng cho năm 2010 của chính phủ Hàn Quốc đưa ra vào thời điểm này vẫn khá lạc quan ở mức gần 4%. Một khoảng cách tăng trưởng không nhỏ so với năm 2009, song người ta cho rằng quan điểm tiếp cận dự báo của Hàn Quốc đã khá thận trọng. Lý do của sự đánh giá dè dặt này thể hiện ngay trong lời phát biểu của Bộ trưởng Tài chính Yoon Jeung-hyun trước báo giới rằng do sự ổn định chưa chắc chắn trong nền kinh tế, nên Hàn Quốc sẽ duy trì chính sách kích cầu mở rộng. Tuy nhiên bước sang quý I năm 2010, điều kiện của nền kinh tế thế giới tốt hơn và nhu cầu trong nước phục hồi nhanh đã trở thành hai động lực cơ bản giúp Hàn Quốc giữ được đà tăng trưởng mạnh hơn. Chính phủ Hàn Quốc đã sửa đổi dự báo tăng trưởng kinh tế có thể lên gần 6% trong cả năm 2010, so với 4% dự báo trước đó do số liệu xuất khẩu tăng liên tiếp trong 6 tháng liền. Sự điều chỉnh này cũng khá trùng lặp với các đánh giá dự báo của OECD, WB, IMF về khả năng tăng trưởng của kinh tế Hàn Quốc. Phân tích một số chỉ số kinh tế vĩ mô cơ bản của Hàn Quốc cho ta thấy khuynh hướng khá tích cực cho khả năng kích hoạt hoạt động đầu tư mới. Cụ thể hơn như được thấy trong sơ đồ 1: Đánh giá dự báo một số chỉ số kinh tế vĩ mô của Hàn Quốc, trong đó chỉ số thất nghiệp sẽ được cải thiện rõ rệt với mức giảm từ 3,6%

trong năm 2009 và 2010 xuống còn 3,3% năm 2011; cân bằng thu chi ngân sách chính phủ so với GDP cũng sẽ tăng lên theo hướng tích cực từ 0,0% năm 2009 lên +1,0% năm 2010 và +0,8% năm 2011; và chỉ số lạm phát được ước đoán duy trì ở hướng tích cực là 3,0% năm 2010 và 3,2% năm 2011. Điều này có ý nghĩa rất lớn cho các quyết định đầu tư mới của cả khối doanh nghiệp lẫn các hoạt động kích thích chi tiêu dùng công và chi tiêu dùng cá nhân. Kết quả đánh giá này

dựa trên thực tế là Hàn Quốc đã khởi xướng thực thi “chính sách phát triển kinh tế năm 2010” từ cuối năm 2009 một cách khá thành công, với 6 mục tiêu cụ thể đặt ra là: củng cố sự phục hồi kinh tế; tạo việc làm; ổn định đời sống của người dân; tìm kiếm sự tăng trưởng xanh; chuẩn bị Hội nghị cấp cao G20; giải quyết những thách thức dài hạn bao gồm cả tỷ lệ sinh thấp và tính bền vững của cân bằng tài chính.

Sơ đồ 1: Dự báo một số chỉ số kinh tế vĩ mô của Hàn Quốc

OECD Projections - Korea



Nguồn: OECD outlook, No 87, May 2010

Tuy nhiên, do Hàn Quốc đã thực hiện sớm các biện pháp kích cầu tạm thời để ngăn chặn suy thoái kinh tế nên khi chuyển qua thời kỳ hồi phục, Chính phủ Hàn Quốc có thể sẽ dự kiến chấm dứt bảo lãnh tín dụng mở rộng đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa vào cuối năm nay⁽³⁾. Chính vì vậy, trong cuộc họp chung của chính phủ dưới sự chủ trì của Tổng thống Lee Myung-bak với các cơ quan bộ ngành của nước này vào đầu quý

2 năm 2010, Tổng thống Lee cho rằng “Hàn Quốc không nên tự mãn về phục hồi kinh tế nhanh chóng cho đến nửa đầu năm sau và cần ưu tiên thực hiện chi tiêu ngân sách để duy trì đà phục hồi. Chính phủ sẽ tập trung vào việc kiên cố hóa phục hồi kinh tế để nâng cao đời sống người dân và tìm kiếm sự cân bằng giữa nhu cầu trong nước và xuất khẩu bằng cách thúc đẩy các ngành công nghiệp dịch vụ”.

Điều này cũng được phản ánh rõ trong bảng thống kê dưới đây với nội dung đánh giá sự biến động và tỉ trọng đóng góp của

⁽³⁾ Nhưng hạn chót sẽ được kéo dài đến tháng sáu năm 2011, với điều kiện các tỷ lệ bảo đảm được hạ xuống tới 90 % trong nửa đầu năm 2010, so với từ 95% năm 2009.

các chỉ số kinh tế vĩ mô cơ bản vào tăng đoạn 2006-2011.
trường GDP/GNP của Hàn Quốc trong giai

Korea Demand, output and prices

	2006	2007	2008	2009	2010	2011
	Current prices KRW trillion	Percentage changes volume, 2005 prices				
Private consumption	494.9	5.1	1.3	0.2	3.8	4.0
Government consumption	131.9	5.4	4.3	5.0	3.4	2.3
Gross fixed capital formation	250.7	4.2	-1.9	-0.2	5.7	5.0
Final domestic demand	867.5	4.9	0.8	0.8	4.6	4.0
Stockbuilding ¹	8.7	-0.2	0.6	-4.6	2.2	0.0
Total domestic demand	895.1	4.7	1.4	-3.8	7.1	4.1
Exports of goods and services	350.5	12.6	5.6	-0.8	11.1	12.5
Imports of goods and services	348.0	11.7	4.4	-8.2	14.2	11.9
Net exports ²	12.5	0.5	1.0	4.0	-1.0	0.7
GDP at market prices	906.7	5.1	2.3	0.2	5.8	4.7
GDP deflator	-	2.1	2.9	3.4	2.1	2.1
Memorandum items						
Consumer price index	-	2.5	4.7	2.8	3.0	3.2
Private consumption deflator	-	2.0	4.5	2.6	2.9	3.2
Unemployment rate	-	3.2	3.2	3.6	3.6	3.3
Household saving ratio ²	-	2.9	2.9	3.6	3.5	3.8
General government financial balance ³	-	4.7	3.0	0.0	1.0	0.8
Current account balance ³	-	0.5	-0.5	5.2	1.7	1.5

Note: National accounts are based on official chain-linked data. This introduces a discrepancy in the identity between real demand components and GDP. For further details see *OECD Economic Outlook: Sources and Methods* (<http://www.oecd.org/eco/sources-and-methods>)

1. Contributions to changes in real GDP (percentage of real GDP in previous year), actual amount in the first column

2. As a percentage of private sale income

3. As a percentage of GDP

Source: OECD Economic Outlook 97 database

Bảng thống kê này cho thấy chỉ số tổng cầu (D) trong nước sẽ thay đổi từ -3,8% năm 2009 lên ước tính 7,1% năm 2010 và 4,1% năm 2011; hay tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ (ngoại nhu) sẽ biến động từ -0,8% năm 2009 lên 11,1% năm 2010 và 12,6% năm 2011. Chính vì thế, trong hiện tại, cầu ngoại vẫn đóng vai trò lớn hơn cầu nội trong tạo đà kích hoạt tăng trưởng kinh tế ở tương lai. Điều cần lưu ý là dự báo tăng trưởng theo cách phân tích các chỉ số kinh tế vĩ mô trong sơ đồ 1 khi được đặt phân tích trong

mối quan hệ giữa G, I và D lại cho chúng ta thấy một điều quan ngại mới. Về dài hạn, sự tăng trưởng có thể sẽ thiếu bền vững khi các động lực đầu tư mới (I) và nhu cầu mới (D) không được đảm bảo vững chắc do nhu cầu ngoại trên thị trường thế giới có thể sẽ biến động gây bất lợi cho xuất khẩu tương lai.

Với ý nghĩa đó, chúng tôi cho rằng nếu Hàn Quốc muốn duy trì được động lực tăng trưởng mới trong tương lai họ cần phải tạo ra động lực đầu tư và nhu cầu mới mạnh hơn thông qua việc thực hiện kích cầu nội địa

bằng "chiến lược phát triển xanh" hay chủ trương "xanh hóa" nhiều ngành kinh tế lớn của mình. Đây cũng được coi là một sự chuyển dịch cấu trúc nền kinh tế Hàn Quốc nhằm thích ứng với các xu thế chuyển dịch mới của cấu trúc kinh tế toàn cầu.

Nội dung của chiến lược này nhằm vào hai khía cạnh cơ bản:

Thứ nhất, tạo mới cầu nội địa (D) từ mục tiêu xanh hoá nhiều ngành kinh tế.

Chính phủ Hàn Quốc sẽ đầu tư 38 tỷ USD vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội "xanh", nhằm mục tiêu tạo gần 1 triệu việc làm mới, kích thích khôi phục kinh tế mà không làm tổn hại môi trường. Kế hoạch bao gồm 9 nội dung, trong đó có dự án khai thác 4 con sông lớn và xây dựng mở rộng mạng lưới giao thông.

Cụ thể là: về trung hạn, ít nhất là đến năm 2012, Chính phủ Hàn Quốc sẽ đầu tư khoảng 10 tỉ USD để thúc đẩy khai thác 4 con sông lớn trên toàn quốc, thông qua việc xây dựng các đập ngăn, hồ chứa nước và các cơ sở vật chất liên quan đến quản lý nguồn nước. Những dự án này dự kiến sẽ tạo ra khoảng 280.000 việc làm mới. Chính phủ Hàn Quốc cũng sẽ thúc đẩy việc xây dựng hệ thống "vận tải xanh", bao gồm hệ thống đường sắt ít khí thải CO₂, đường xe đạp và các hệ thống giao thông công cộng khác. Riêng dự án xây dựng đường sắt cao tốc được đầu tư 7,6 tỷ USD. Ước tính các dự án giao thông sẽ tạo ra 160.000 việc làm mới. Một khoản đầu tư lớn cũng sẽ được dành cho việc nghiên cứu, phát triển và sản xuất các loại ô

tô thải ít CO₂, phát triển các nguồn năng lượng sạch và tái chế năng lượng. Hàn Quốc cũng sẽ chi 230 triệu USD cho việc trồng rừng để tạo ra 23.000 việc làm. Khu vực hành chính công sẽ tham gia xây dựng thêm khoảng 2 triệu ngôi nhà "xanh" và văn phòng làm việc sử dụng ít năng lượng và điện. Để thực hiện kế hoạch phát triển này, trước mắt, Chính phủ sẽ tổ chức một hội nghị để thảo luận các biện pháp quản lý nguy cơ và sớm xây dựng luật pháp về tăng trưởng xanh. Chính phủ sẽ sử dụng mọi khả năng để thực thi các kế hoạch đầu tư đúng thời hạn đã định. Hiện tại, một số công trình, dự án thuộc kế hoạch tăng trưởng kể trên đã được triển khai.

Thứ hai, tạo cầu ngoại (D) từ mục tiêu tăng ưu thế cạnh tranh

Chính phủ Hàn Quốc đã chọn ra 9 ngành công nghiệp chủ lực là thép, đóng tàu, máy móc tổng hợp, ô tô, hóa dầu, dệt may, bán dẫn, màn hình và đồ điện gia dụng để thực hiện "cuộc cách mạng xanh". Theo đó, cắt giảm lượng khí thải CO₂, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và thay đổi toàn bộ quá trình sản xuất từ giai đoạn lên kế hoạch cho tới sản xuất, tiêu dùng và thải bỏ CO₂ theo hướng thân thiện với môi trường. Vì vậy các ngành công nghiệp chủ lực của Hàn Quốc như sản xuất bán dẫn và ô tô sẽ chính thức chuyển sang cơ cấu công nghiệp hàm lượng CO₂ thấp. Lý do khiến Hàn Quốc phải thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh là trong thời kỳ mà vấn đề biến đổi khí hậu được đặt ra gay gắt như hiện nay, thì hiệu quả sử dụng

năng lượng và tính thân thiện với môi trường đang trở thành yếu tố then chốt để tăng cường ưu thế cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời, áp lực cắt giảm lượng phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính trên thế giới đang ngày càng tăng đã khiến tăng trưởng xanh trở thành một sự lựa chọn của nhiều nền kinh tế. Về mặt chi tiết, Chính phủ Hàn Quốc cũng đã xây dựng 12 chiến lược thực hiện cụ thể, trong đó có 6 chiến lược liên quan đến việc tái cơ cấu công nghiệp theo mô hình hàm lượng CO₂ thấp. Thông qua tăng trưởng xanh, Hàn Quốc ước tính sẽ giảm tỉ trọng sử dụng năng lượng hóa thạch trong đó có dầu mỏ từ 83% hiện nay xuống còn 61% vào năm 2030 và nâng tỉ trọng sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái sinh lên 11%. Hàn Quốc cũng sẽ quyết tâm nâng tiêu chuẩn công nghệ năng lượng hiện chỉ bằng 60% so với các nước phát triển lên mức cao nhất thế giới. Báo chí Hàn Quốc nhận định, bây giờ Hàn Quốc mới bắt đầu xây dựng kế hoạch tổng thể về tăng trưởng xanh đã là hơi muộn, bởi nhiều nước phát triển và đang phát triển đã thực hiện các “cuộc cách mạng xanh” từ lâu. Tuy nhiên, nếu Hàn Quốc xây dựng được những chiến lược cụ thể có hiệu quả, dựa trên một tầm nhìn tổng thể, vẫn có thể nhanh chóng bắt kịp tốc độ phát triển của thế giới trong lĩnh vực này.

Có thể nói, cũng gần giống như trường hợp của nước láng giềng Nhật Bản, động lực tăng trưởng dài hạn sẽ phụ thuộc vào sự thành bại của chiến lược Châu Á, đối với

Hàn Quốc, động lực tăng trưởng dài hạn của kinh tế quốc nội, ít nhất trong giai đoạn 2011-2020, cũng sẽ phụ thuộc không nhỏ vào khả năng triển khai và mức độ thành công của chiến lược phát triển xanh nêu trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *OECD outlook*, No 87, May 2010
2. *IMF world economic outlook*, April 2010.
3. *Thời Báo kinh tế Việt Nam*, số ngày 8/7/2010.
4. “World Economic outlook Database”, International Monetary Fund (IMF), October 2009.
5. *World Bank report 2009*, Vol I, 2010.
6. Các bản tin của TTXVN 2009, tháng 1 đến tháng 6/2010.
7. *Xu hướng toàn cầu đến năm 2025 dưới góc nhìn của các nhà dự báo Mỹ*. Tuần Báo quốc tế, phòng dịch theo Tạp chí Newsweeks, 2009.
8. Phạm Quý Long, *Định dạng mô hình tăng trưởng ở Đông Bắc á sau khủng hoảng 2007-2009*, Tạp chí nghiên cứu Đông Bắc á số 8/2010.
9. *IMF Database*, 2010.